

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 đã được soát xét.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004. Theo đăng ký thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 01 năm 2011, Vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD1 Investment and Construction Joint Stock Company, Tên viết tắt: HUD1., JSC.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: HU1

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Các Công ty con được hợp nhất gồm:

Các Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 là Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02.

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005. Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 có trụ sở tại Số 6, Biệt thự 5 bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Tổng vốn điều lệ là 10.600.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 chiếm 51% vốn.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02 là Công ty con được thành lập theo Quyết định số 48/QĐ-HĐQT ngày 18/09/2008 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trên cơ sở chuyên đổi Chi nhánh của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02 có vốn điều lệ là 25.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 chiếm 51% vốn điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Dân	Chủ tịch
	Ông Dương Tất Khiêm	Ủy viên
	Ông Lê Thanh Hải	Ủy viên
	Ông Nguyễn Đình Thắng	Ủy viên
	Ông Ngô Quang Đạo	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 và tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Dương Tất Khiêm	Giám đốc
	Ông Nguyễn Đình Học	Phó Giám đốc
	Ông Ngô Quang Đạo	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Dương Tất Khiêm
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2014

Số: 488/2014/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014, được lập ngày 14/8/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là "Công ty") trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo Kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Trương Văn Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140-2013-075-1
Thay mặt và đại diện

Vũ Thị Hồng Quỳnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1969-2013-075-1

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		794.370.904.137	917.299.782.995
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	64.460.255.732	41.158.675.171
1. Tiền	111		64.460.255.732	41.158.675.171
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.500.000.000	4.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.500.000.000	4.500.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		198.413.235.230	269.409.966.430
1. Phải thu khách hàng	131		182.108.771.923	245.569.692.957
2. Trả trước cho người bán	132		10.877.444.822	15.718.789.919
3. Các khoản phải thu khác	135	5.2	5.930.239.699	8.624.704.768
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(503.221.214)	(503.221.214)
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	466.299.500.615	550.982.504.732
1. Hàng tồn kho	141		466.299.500.615	550.982.504.732
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		60.697.912.560	51.248.636.662
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.624.876.543	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		74.697.953	48.514.795
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	58.998.338.064	51.200.121.867
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+270)	200		25.420.650.339	27.114.526.230
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		11.751.660.155	12.975.062.795
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	9.494.372.983	10.717.775.623
<i>Nguyên giá</i>	222		29.241.912.855	29.343.319.044
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19.747.539.872)	(18.625.543.421)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	1.776.366.200	1.776.366.200
<i>Nguyên giá</i>	228		1.776.366.200	1.776.366.200
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		480.920.972	480.920.972
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.540.119.857	13.616.460.302
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.7	540.119.857	616.460.302
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.7	13.000.000.000	13.000.000.000
VI- Tài sản dài hạn khác	270		128.870.327	523.003.133
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.8	128.870.327	523.003.133
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		819.791.554.476	944.414.309.225

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		645.414.227.430	768.570.535.857
I- Nợ ngắn hạn	310		645.414.227.430	768.570.535.857
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	211.173.477.928	292.037.085.773
2. Phải trả người bán	312		124.614.244.422	151.841.168.402
3. Người mua trả tiền trước	313		159.000.631.371	89.272.517.779
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	10.859.774.268	30.071.311.391
5. Phải trả người lao động	315		1.035.619.986	1.774.713.610
6. Chi phí phải trả	316	5.11	1.095.803.462	621.850.880
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	134.340.058.323	197.311.156.352
9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		3.294.617.670	5.640.731.670
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430+439)	400		174.377.327.046	175.843.773.368
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	158.867.651.441	159.982.560.249
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.300.417.000	23.300.417.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.750.000.000)	(2.750.000.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		24.080.843.938	24.080.843.938
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.925.985.180	7.558.356.570
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.310.405.323	7.792.942.741
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		15.509.675.605	15.861.213.119
TỔNG NGUỒN VỐN (450 = 300+400)	450		819.791.554.476	944.414.309.225

Người lập



Ngô Sĩ Tuấn Phương

Kế toán trưởng



Lê Thanh Hải

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2014

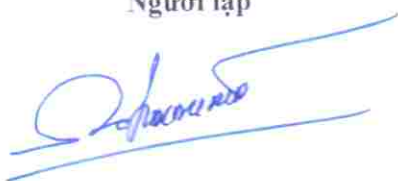


Dương Tất Khiêm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	339.142.190.251	179.740.789.542
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	339.142.190.251	179.740.789.542
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	322.093.967.505	169.243.344.230
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		17.048.222.746	10.497.445.312
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	449.563.409	1.526.115.005
7. Chi phí tài chính	22	5.17	3.927.867.479	5.936.103.927
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.927.867.479	5.936.103.927
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.353.555.685	9.456.086.039
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		4.216.362.991	(3.368.629.649)
11. Thu nhập khác	31		1.772.108.857	2.850.641.097
12. Chi phí khác	32		-	171.663.473
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.18	1.772.108.857	2.678.977.624
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(76.340.445)	(198.802.926)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		5.912.131.403	(888.454.951)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	1.378.577.725	123.992.005
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	34.779.188
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.533.553.678	(1.047.226.144)
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(351.537.514)	(765.071.512)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		4.885.091.192	(282.154.632)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	489	(28)

Người lập



Ngô Sĩ Tuấn Phương

Kế toán trưởng



Lê Thanh Hải

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2014



Dương Tất Khiêm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	491.454.109.840	270.868.611.191
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(323.470.333.466)	(267.143.681.189)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.566.030.212)	(8.123.928.978)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(11.005.841.840)	(14.225.300.231)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.157.227.860)	(3.500.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.357.443.264	968.849.590
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(33.848.906.477)	(8.626.365.623)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	106.763.213.249	(29.781.815.240)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	198.806.187	704.541.871
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	198.806.187	704.541.871
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	210.129.305.674	150.287.339.785
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(290.992.913.519)	(141.360.847.131)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.796.831.030)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(83.660.438.875)	8.926.492.654
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	23.301.580.561	(20.150.780.715)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	41.158.675.171	25.537.338.199
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	64.460.255.732	5.386.557.484

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2014

Người lập



Ngô Sĩ Tuấn Phương

Kế toán trưởng



Lê Thanh Hải

Giám đốc



Dương Tất Khiêm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09a - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004. Theo đăng ký thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 01 năm 2011.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD1 Investment and Construction Joint Stock Company, Tên viết tắt: HUD1., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 là 100.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	5.100.000	51.000.000.000	51%
Các cổ đông khác	4.900.000	49.000.000.000	49%
Cộng	10.000.000	100.000.000.000	100%

Công ty hiện đang Niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: HU1

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân: 195 người

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Thi công xây lắp các loại công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình, hệ thống cứu hỏa, trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Tư vấn, thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, công nghiệp xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Thi công lắp đặt hệ thống thông gió, chiếu sáng, hệ thống điện, điện lạnh;
- Tư vấn, giám sát xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp;

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KÝ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1, các Công ty con là Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02.

Năm tài chính/kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chỉ tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí gia dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các tài sản như sau:

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
đến 30/06/2014

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn sử dụng nên Công ty không thực hiện trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

04. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2014, các khoản đầu tư tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ, thiết bị thí công được phân bổ dần vào chi phí theo thời gian sử dụng của tài sản.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Đối với doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị HUD, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, kinh doanh bất động sản, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh. Chi phí quản lý doanh nghiệp, được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu cho bộ phận đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	22.326.514.278	8.463.139.024
Tiền gửi ngân hàng	42.133.741.454	32.695.536.147
Tổng	64.460.255.732	41.158.675.171

5.2 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ	2.310.431.731	-
Phải thu khác	3.619.807.968	8.624.704.768
<i>Ban Quản lý điều hành dự án</i>		
<i>- TH3 TP HCM</i>	1.660.277.468	4.065.335.039
<i>Hệ thống thoát nước Nha Trang</i>		
<i>(Tiền lương, công cụ dụng cụ, phí bảo lãnh)</i>	-	2.740.923.749
<i>Phải thu phí quản lý ban điều hành dự án Vĩnh lộc B</i>	820.909.653	820.909.653
<i>Phải thu khác</i>	1.138.620.847	997.536.327
Tổng	5.930.239.699	8.624.704.768

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.3 Hàng tồn kho

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	459.719.060.581	549.502.168.969
Hàng hoá	1.480.335.763	1.480.335.763
Hàng hóa bất động sản	5.100.104.271	-
Tổng	466.299.500.615	550.982.504.732

Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh theo công trình

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự án đầu tư nhà ở thấp tầng TT4 Linh Đàm	104.152.303.825	226.949.981.619
Thoát nước gói thầu 1.5A Nha Trang	57.835.737.241	16.604.494.792
Dự án BT-A28+A33 Chánh Mỹ	49.725.678.338	49.725.678.338
Phần móng trụ sở tập đoàn HUD Tower	20.006.357.280	15.658.063.335
Nhà ký túc xá Pháp Vân	17.006.152.035	34.525.800.443
Khu dân cư Vĩnh Lộc B gói XL2	11.285.136.248	12.409.033.070
Nhà chung cư cao tầng CT17	10.414.392.356	10.414.392.356
Khu xử lý chất thải Xuân Sơn GD2- Ba Vì	10.813.012.434	-
Khu nhà ở Đất Việt	7.117.516.344	7.117.516.344
Trụ sở làm việc BIDV Hà Nội	5.015.569.646	7.376.299.359
Công trình Nhà hiệu bộ Trường Đại học FPT	5.777.553.772	-
Tổng hợp chi phí dự án Đông Sơn	4.371.525.604	4.348.048.604
Hạ tầng Kỹ thuật Khu đô thị mới Phước Long	4.166.566.920	4.166.566.920
Tổng hợp chi phí dự án Vân Canh	246.425.246	475.159.489
Các công trình khác	151.785.133.292	159.731.134.300
Tổng	459.719.060.581	549.502.168.969

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	58.998.338.064	51.200.121.867
<i>Tạm ứng các đội thi công</i>	<i>57.032.723.782</i>	<i>50.733.881.760</i>
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	<i>1.965.614.282</i>	<i>466.240.107</i>
Tổng	58.998.338.064	51.200.121.867

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Năm 2014 <i>Nguyên giá</i>	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng	Đơn vị: VND
Tại ngày 01 tháng 01	5.772.103.210	14.996.978.306	8.030.122.483	544.115.045	29.343.319.044	
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	
Giảm trong kỳ	-	101.406.189	-	-	101.406.189	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	101.406.189	-	-	101.406.189	
Tại ngày 30 tháng 6	5.772.103.210	14.895.572.117	8.030.122.483	544.115.045	29.241.912.855	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Tại ngày 01 tháng 01	1.946.358.459	11.772.571.178	4.480.560.481	426.053.303	18.625.543.421	
Tăng trong kỳ	137.138.360	564.840.017	410.703.478	9.314.596	1.121.996.451	
Khấu hao trong kỳ	137.138.360	564.840.017	410.703.478	9.314.596	1.121.996.451	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	
Tại ngày 30 tháng 6	2.083.496.819	12.337.411.195	4.891.263.959	435.367.899	19.747.539.872	
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 01 tháng 01	3.825.744.751	3.224.407.128	3.549.562.002	118.061.742	10.717.775.623	
Tại ngày 30 tháng 6	3.688.606.391	2.558.160.922	3.138.858.524	108.747.146	9.494.372.983	

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 7.776.419.902 VND (tại ngày 31/12/2013 là: 10.434.284.957 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2014 với giá trị là 2.490.565.377 VND (tại ngày 31/12/2013 là: 2.281.718.724 VND).

5.6 Tài sản cố định vô hình

Giá trị tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất với diện tích 209m² tại thửa đất số 73-109 tờ bản đồ số 2,3 nền 1, lô 1 Bình Trưng Đông, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	100.000	540.119.857	100.000	616.460.302
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	100.000	540.119.857	100.000	616.460.302
Đầu tư dài hạn khác		13.000.000.000		13.000.000.000
Công ty TNHH Đại Thiên Lộc	-	13.000.000.000	-	13.000.000.000

Thông tin chi tiết về Khoản đầu tư của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 như sau:

Theo Hợp đồng hợp tác Đầu tư số 02/HĐHTĐT ngày 19/5/2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 và Công ty TNHH Đại Thiên Lộc hợp tác đầu tư xây dựng hạ tầng và kinh doanh Dự án Trạm dừng nghỉ xe đường dài Đại Thiên Lộc. Theo hợp đồng Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 góp vốn kinh doanh bằng tiền mặt với số vốn góp là 30 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2013 Công ty đã góp được 13 tỷ đồng.

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ (tr đồng)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	CT4, khu đô thị Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội	5.000	20%	Thiết kế, kinh doanh nội thất

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	523.003.133	660.517.661
Tăng	126.684.189	221.595.706
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	520.816.995	160.121.348
Tại ngày 30 tháng 06	128.870.327	721.992.019
<i>Chi tiết theo khoản mục</i>		
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí CCDC, thiết bị thi công	80.651.991	333.613.882
Chi phí CCDC thiết bị văn phòng	48.218.336	177.646.156
Bảo hiểm thiết bị	-	11.743.095
Tổng	128.870.327	523.003.133

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.9 Vay ngắn hạn

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay Ngân hàng	210.773.477.928	291.637.085.773
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam-CN Hà Nội	206.501.513.628	284.339.548.876
<i>Hợp đồng Hạn mức tín dụng số 01/2012 ngày 10/5/2012</i>	-	68.755.336.178
<i>Hợp đồng Hạn mức tín dụng số 01/2013 ngày 10/6/2013 (1)</i>	198.043.379.783	199.987.826.915
<i>Hợp đồng Hạn mức tín dụng số 01/2012 ngày 17/9/2012 (2)</i>	8.458.133.845	15.596.385.783
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Tp.Hồ Chí Minh (3)	4.271.964.300	7.297.536.897
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Vay cá nhân	400.000.000	400.000.000
Tổng	211.173.477.928	292.037.085.773

Trong đó:

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP ĐT& PT Việt Nam-CN Hà Nội gồm 02 hợp đồng vay sau:

(1): Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐTDHM ngày 05/07/2013. Vay tối đa 200 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, thời hạn rút vốn của Hợp đồng: từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/6/2014. Lãi suất cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, ngân hàng được điều chỉnh lãi suất đột xuất do yêu cầu biến động lãi suất phù hợp với cơ chế điều hành của lãi suất ngân hàng trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật. Kỳ hạn trả nợ lãi được xác định tại Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản thế chấp gồm: Trụ sở làm việc tại số 168 đường Giải Phóng, 02 xe ô tô Toyota Corolla, 03 xe Toyota Innova.

(2): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số 01/2012/HĐ ngày 17/9/2012, hạn mức 35 tỷ đồng, lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các phương tiện vận tải, máy móc công trình và tài sản của bên thứ 3.

(3): Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 118/2013/3330385 ngày 16 tháng 09 năm 2013 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là: 8.000.000.000 VND, hạn mức này đã bao gồm số dư nợ vay của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn số 19/2012/3330385 ngày 31 tháng 08 năm 2012 và các Phụ lục hợp đồng liên quan chuyển sang. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký; Lãi suất: theo từng lần nhận nợ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở L/C và cấp bảo lãnh. Đảm bảo tiền vay: bất động sản tại Số 1, lô J, phường Bình Trưng Đông, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, bất động sản tại thửa đất số 723 tờ bản đồ số 71 nền M21, Khu tái định cư 17,3 ha, phường Tân Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, thế chấp xe Toyota Camry 2.4 G, 5 chỗ, biển số 52 U-9746 và toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND, ngoại tệ tại ngân hàng và các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	9.168.302.200	24.281.189.749
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.553.890.991	2.332.541.126
Thuế thu nhập cá nhân	-	272.261.983
Các loại thuế khác	137.581.077	3.185.318.533
Tổng	10.859.774.268	30.071.311.391

5.11 Chi phí phải trả

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	268.764.462	539.559.971
Trích trước chi phí xây dựng, chi phí trồng cây xanh tại dự án Xuân Diệu	45.500.000	82.290.909
Trích trước chi phí thoát nước thải tuyến A1, A6, B3, B6, B8	781.539.000	-
Tổng	1.095.803.462	621.850.880

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	536.932.636	613.553.272
Bảo hiểm xã hội	2.099.833.907	1.305.279.015
Bảo hiểm y tế	342.352.065	192.679.663
Bảo hiểm thất nghiệp	191.414.240	108.882.127
Các khoản phải trả, phải nộp khác	131.169.525.475	195.090.762.275
<i>Phải trả các đội thi công</i>	<i>124.991.693.977</i>	<i>191.913.214.789</i>
<i>Phải trả lãi vay</i>	<i>-</i>	<i>34.966.202</i>
<i>Phí quản lý, phí dịch vụ dự án Vân Canh</i>	<i>3.104.933.974</i>	<i>3.058.673.974</i>
<i>Phải trả cổ tức - Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị HUD</i>	<i>3.060.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>12.897.524</i>	<i>83.907.310</i>
Tổng	134.340.058.323	197.311.156.352

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2013	100.000.000.000	23.300.417.000	-	24.069.348.571	6.591.065.451	19.279.112.812	173.239.943.834
Tăng trong năm	-	-	(2.750.000.000)	11.495.367	967.291.119	7.404.207.918	5.632.994.404
Lãi	-	-	-	-	-	7.404.207.918	7.404.207.918
Trích quỹ	-	-	-	11.495.367	967.291.119	-	978.786.486
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(2.750.000.000)	-	-	-	(2.750.000.000)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	18.890.377.989	18.890.377.989
Trích quỹ	-	-	-	-	-	2.890.377.989	2.890.377.989
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000
Số dư tại 31/12/2013	100.000.000.000	23.300.417.000	(2.750.000.000)	24.080.843.938	7.558.356.570	7.792.942.741	159.982.560.249
Số dư tại 01/01/2014	100.000.000.000	23.300.417.000	(2.750.000.000)	24.080.843.938	7.558.356.570	7.792.942.741	159.982.560.249
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	367.628.610	4.885.091.192	5.252.719.802
Lãi	-	-	-	-	-	4.885.091.192	4.885.091.192
Trích quỹ	-	-	-	-	367.628.610	-	367.628.610
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	6.367.628.610	6.367.628.610
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Trích quỹ (*)	-	-	-	-	-	367.628.610	367.628.610
Số dư tại 30/06/2014	100.000.000.000	23.300.417.000	(2.750.000.000)	24.080.843.938	7.925.985.180	6.310.405.323	158.867.651.441

Đơn vị tính: VND

(*): Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 286/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2014 về việc phân chia lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUDI, cụ thể:
 Chi trả cổ tức (6%/năm) 6.000.000.000 đồng
 Quỹ dự phòng tài chính (5%/LNST) 367.628.610 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị HUDI	51.000.000.000	51.000.000.000
Các cổ đông khác	49.000.000.000	49.000.000.000
Tổng	100.000.000.000	100.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.000.000.000	16.000.000.000

d. Cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 Cổ phiếu	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (VND/CP)</i>	10.000	10.000

5.14 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu xây lắp	207.234.374.112	167.269.467.147
Doanh thu kinh doanh bất động sản	131.735.776.594	12.415.399.245
Doanh thu khác	172.039.545	55.923.150
Tổng	339.142.190.251	179.740.789.542

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.15 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn xây lắp	197.893.060.333	157.783.865.814
Giá vốn kinh doanh bất động sản	124.029.104.141	11.403.555.266
Giá vốn khác	171.803.031	55.923.150
Tổng	322.093.967.505	169.243.344.230

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền gửi	449.563.409	926.115.005
Cổ tức, lợi nhuận được chia (HUD8)	-	600.000.000
Tổng	449.563.409	1.526.115.005

5.17 Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền vay	3.927.867.479	5.936.103.927
Tổng	3.927.867.479	5.936.103.927

5.18 Thu nhập khác/chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ tiền sử dụng công cụ thi công dụng cụ từ các đội thi công giao khoán	1.772.108.857	1.626.987.900
Thanh lý tài sản cố định	-	454.000.000
Hoàn nhập Trích trước chi phí xây dựng dự án nhà thấp tầng Xuân Diệu, Vân Canh	-	672.755.803
Thu nhập khác	-	96.897.394
Cộng	1.772.108.857	2.850.641.097
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	171.662.973
Chi phí khác	-	500
Cộng	-	171.663.473
Lợi nhuận khác	1.772.108.857	2.678.977.624

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.19 Thuế Thu nhập doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.912.131.403	888.454.951
Lợi nhuận tính thuế	5.543.546.092	(689.652.025)
Lợi nhuận từ kinh doanh bất động sản	4.536.868.047	474.626.374
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành từ kinh doanh bất động sản	998.110.970	118.656.594
Lợi nhuận hoạt động xây dựng và hoạt động khác	1.006.678.045	(1.164.278.399)
Điều chỉnh thu nhập từ cổ tức	-	(600.000.000)
Lợi nhuận từ hoạt động xây dựng và hoạt động khác	1.729.394.341	21.341.648
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành từ hoạt động xây dựng và hoạt động khác	380.466.755	5.335.411
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.378.577.725	123.992.005

5.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	4.885.091.192	(282.154.632)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Điều chỉnh cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
Điều chỉnh chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã phân loại vào vốn chủ sở hữu	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.885.091.192	(282.154.632)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	489	(28)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.21 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	120.444.249.353	85.194.148.071
Chi phí nhân công	55.575.906.244	58.768.958.938
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.121.996.451	1.528.562.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.939.041.441	13.842.827.896
Chi phí khác bằng tiền	8.055.765.587	4.706.858.883
Tổng	205.136.959.076	164.041.356.356

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Số dư với các bên liên quan**

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Phải thu khách hàng	64.280.609.655	88.397.222.020
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	Tiền điện	46.456.870	46.456.870
Công ty CP Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND	Phải thu khách hàng	2.914.768.341	3.945.932.752
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị số 9	Phải thu khách hàng	759.614.890	2.357.584.353
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Phải thu khách hàng	7.684.813.053	206.858.053
Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Tiền hạ tầng	90.380.667.377	115.492.585.334
Cty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nha Trang	Tiền hàng	26.170.599.611	21.137.004.692
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	Phải trả người bán	1.775.860.000	1.775.860.000
<i>Phải trả khác</i>			
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Phải trả tiền cổ tức	3.060.000.000	-

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

		Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Hội đồng Quản trị và BGD	Tiền Lương	674.370.205	568.990.909
Tổng		674.370.205	568.990.909

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bán hàng	Tính chất giao dịch	Kú hoạt động	Kú hoạt động
		từ 01/01/2014	từ 01/01/2013
		đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
		VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Thi công xây dựng	58.638.753.636	114.018.357.268
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	Thi công xây dựng	-	1.391.374.960
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Thi công xây dựng	6.798.140.909	-
Giao dịch khác			
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	Chia cổ tức	3.060.000.000	8.160.000.000

6.2 Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014**

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 2 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh xây lắp và kinh doanh Bất động sản của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2014*Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp	Kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	207.234.374.112	131.735.776.594	172.039.545	339.142.190.251
Doanh thu	207.234.374.112	131.735.776.594	172.039.545	339.142.190.251
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	(495.107.910)	4.536.868.047	236.514	4.041.996.651
Lãi tiền gửi	-	-	-	449.563.409
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	1.772.108.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(380.466.755)	(998.110.970)	-	(1.378.577.725)
Lợi nhuận trong năm				4.885.091.192

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)*Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014**Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp	Kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	-	-	-	11.270.739.183
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	480.920.972
Các khoản phải thu	155.282.384.632	43.130.850.598	-	198.413.235.230
Hàng tồn kho	304.914.601.842	161.384.898.773	-	466.299.500.615
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	143.327.158.476
Tổng tài sản				819.791.554.476
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	316.480.485.426	101.474.448.690	-	417.954.934.116
Phải trả tiền vay	211.173.477.928	-	-	211.173.477.928
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	16.285.815.386
Tổng nợ phải trả				645.414.227.430

6.3 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc của Công ty gồm có các khoản công nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.9 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.460.255.732	41.158.675.171
Phải thu khách hàng và phải thu khác	187.535.790.408	253.691.176.511
Đầu tư ngắn hạn	4.500.000.000	-
Đầu tư dài hạn	13.000.000.000	13.000.000.000
Tổng	269.496.046.140	307.849.851.682
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	211.173.477.928	292.037.085.773
Phải trả người bán và phải trả khác	258.954.302.745	349.152.324.754
Chi phí phải trả	1.095.803.462	621.850.880
Tổng	471.223.584.135	641.811.261.407

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

30/06/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	211.173.477.928	-	211.173.477.928
Phải trả người bán và phải trả khác	258.954.302.745	-	258.954.302.745
Chi phí phải trả	1.095.803.462	-	1.095.803.462
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	292.037.085.773	-	292.037.085.773
Phải trả người bán và phải trả khác	349.152.324.754	-	349.152.324.754
Chi phí phải trả	621.850.880	-	621.850.880

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.460.255.732	-	64.460.255.732
Phải thu khách hàng và phải thu khác	187.535.790.408	-	187.535.790.408
Đầu tư ngắn hạn	4.500.000.000	-	4.500.000.000
Đầu tư dài hạn	-	13.000.000.000	13.000.000.000
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.158.675.171	-	41.158.675.171
Phải thu khách hàng và phải thu khác	253.691.176.511	-	253.691.176.511
Đầu tư dài hạn	-	13.000.000.000	13.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 đã được soát xét và Báo cáo cho năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.

Người lập

Ngô Sĩ Tuấn Phương

Kế toán trưởng

Lê Thanh Hải

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2014

Giám đốc



Đương Tất Khiêm